

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-3-2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Ngọc Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mầm

2. Ông Nguyễn Văn Sol

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 550/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị S**, sinh năm 1970 (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Tr, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Tr, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2020 và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/01/2021 nguyên đơn là bà Bùi Thị S trình bày:*

Về hôn nhân: Vào ngày 09/01/2000 bà và ông Nguyễn Văn Ph có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện giờ bà đang bị tàn tật, liệt hai chân không đi lại được mà còn bị ông Ph đánh đập, đuổi xô. Nay, bà xét thấy không thể chung sống với ông Ph được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ph.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Văn Ph có 03 (ba) người con chung tên Nguyễn Chí Th, sinh ngày 01/01/2000; con tên Nguyễn

Chí Th1, sinh ngày 01/8/2002 và con tên Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 23/12/2006, hiện các con đang sống với bà. Sau khi ly hôn, cháu Th và cháu Th1 đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; riêng cháu Kh chưa đủ 18 tuổi nên bà có nguyện vọng nuôi cháu Kh, không yêu cầu ông Nguyễn Văn Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Văn Ph có tài sản chung nhưng bà và ông Ph tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Văn Ph không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bảng tự khai đề ngày 16/12/2020 bị đơn là ông Nguyễn Văn Ph trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2000 ông và bà Bùi Thị S đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, quan điểm bất đồng, nguyên nhân là do vợ chồng cự cãi về cuộc sống sinh hoạt gia đình, rồi bà S nghe lời xúi giục của người khác bỏ về nhà mẹ ruột ở, ông có khuyên can nhưng bà S vẫn không quay về và đến nay thì khởi kiện ly hôn. Trước yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông thì ông đồng ý ly hôn với bà S, bởi nếu có duy trì cũng không có hạnh phúc vì ông luôn tận tâm phục vụ hết lòng đối với vợ từ khi vợ bị tai nạn đến nay đã 06 năm (Thương tật 70%) nhưng bà S không thấu hiểu, quyết ly hôn thì ông níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc gì.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Bùi Thị S có 03 (ba) người con chung tên Nguyễn Chí Th, sinh ngày 01/01/2000; con tên Nguyễn Chí Th1, sinh ngày 01/8/2002 và con tên Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 23/12/2006. Sau khi ly hôn, cháu Th và cháu Th1 đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, theo yêu cầu của bà S thì bà yêu cầu nuôi con, ông xét thấy khả năng, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con của bà S là không có, không đủ điều kiện (Bệnh tật, sức khỏe chỉ còn 30%, không đi đứng được và sinh hoạt cần có người phụ giúp) nên sau khi ly hôn cần căn cứ theo ý kiến, nguyện vọng của cháu Kh muốn theo cha hoặc mẹ sinh sống thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ông và bà Bùi Thị S có tài sản chung nhưng ông và bà S tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Ông và bà Bùi Thị S tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tiến hành việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn là bà Bùi Thị S có mặt, bị đơn là ông Nguyễn Văn Ph được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Văn Ph là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tr, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng nguyên đơn là bà Bùi Thị S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Nguyễn Văn Ph vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Văn Ph tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống với nhau bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Văn Ph đều thừa nhận có những mâu thuẫn không tự hàn gắn được, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà S yêu cầu ly hôn ông Ph đồng ý. Xét thấy bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Văn Ph tự nguyện thuận tình ly hôn, tuy nhiên do bà S và ông Ph chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà S và ông Ph không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Văn Ph có 03 (ba) người con chung tên Nguyễn Chí Th, sinh ngày 01/01/2000; con tên Nguyễn Chí Th1, sinh ngày 01/8/2002 và con tên Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 23/12/2006, hiện các con đang sống với bà S. Sau khi ly hôn, bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Văn Ph thống nhất cháu Th và cháu Th1 đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Kh, bà S có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc; ông Ph yêu cầu ghi nhận nguyện vọng của cháu Kh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, tại Biên bản ghi nhận ý kiến của con ngày 25/01/2021 cháu Nguyễn Phúc Kh có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Bùi Thị S; xét thấy, cháu Kh hiện đang sống ổn định với bà S và nguyện vọng của cháu Kh là được tiếp tục sống với bà S nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Phúc Kh cho bà Bùi Thị S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Văn Ph không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Văn Ph khai quá trình chung sống có tài sản chung nhưng bà S và ông Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ thu, nợ trả: Bà Bùi Thị S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Nguyễn Văn Ph khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Văn Ph.

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 23/12/2006 cho bà Bùi Thị S nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn Ph không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Bùi Thị S.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ thu, nợ trả: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Bùi Thị S phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005941 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Văn Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Ngọc Huyền**